

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC**  
**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC ĐẤT**  
**ĐAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ**  
**NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày    /    /2025*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**I. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

| STT                                          | Tên thủ tục hành chính nội bộ                                                                                                                                                                                                                                       | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện                                                   |
|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------|
| <b>A. Thủ tục hành chính nội bộ cấp tỉnh</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                     |          |                                                                     |
| 1                                            | Thu hồi đất đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai. | Đất đai  | (1) Ủy ban nhân dân tỉnh.<br>(2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.     |
| <b>B. Thủ tục hành chính nội bộ cấp xã</b>   |                                                                                                                                                                                                                                                                     |          |                                                                     |
| 1                                            | Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại Điều 81 Luật Đất đai.                                                                                                                    | Đất đai  | (1) Ủy ban nhân dân cấp xã.<br>(2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. |
| 2                                            | Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, không còn khả năng tiếp tục sử dụng theo khoản 1, 2 và 3 Điều 82 Luật Đất đai.                                                               | Đất đai  | (1) Ủy ban nhân dân cấp xã.<br>(2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. |
| 3                                            | Thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Đất đai.                                                                                                                                                                                       | Đất đai  | (1) Ủy ban nhân dân cấp xã.<br>(2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. |

## II. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường

| STT                                          | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính nội bộ                                                                                                                                                                                        | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện                                                    |
|----------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------|
| <b>A. Thủ tục hành chính nội bộ cấp tỉnh</b> |            |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |          |                                                                      |
| 1                                            | 6.005269   | Trình tự, thủ tục xây dựng bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất hằng năm để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số 71/2024/NĐCP ngày 27/6/2024 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 2418/QĐBNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> <li>- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.</li> </ul> | Đất đai  | Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh. |

|                                            |          |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |         |                                  |
|--------------------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------|
| 2                                          | 6.005271 | Trình tự định giá đất cụ thể đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số 71/2024/NĐCP ngày 27/6/2024 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ</li> <li>- Quyết định số 2418/QĐBNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul>  | Đất đai | Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.   |
| <b>B. Thủ tục hành chính nội bộ cấp xã</b> |          |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |         |                                  |
| 1                                          | 6.005276 | Trình tự định giá đất cụ thể đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội.</li> <li>- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ</li> <li>- Quyết định số 2418/QĐBNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul> | Đất đai | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. |